

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Tháng 3/2018

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 92%, gió ĐĐN 10 km/h. Dòng chảy xiết. Tại vị trí lấy mẫu đang xây cầu cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn.	Nước màu xanh, trong.	7.91	9.4	7.47	0	0.117	0.317	118	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời mát, t° = 21°C, độ ẩm 92%, gió ĐĐN 10 km/h. Dòng chảy nhanh.	Nước xanh trong.	8.11	15.4	7.59	0.1	0.054	0.286	243	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
3	3	Cổng điều tiết Kè Sơn	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 92%, gió ĐĐN 10 km/h. Dòng chảy vừa. Thượng lưu công dồn ứ nhiều rác thải.	Nước màu xanh trong.	8.09	6.5	7.74	0.1	0.039	0.218	143	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng Quang Hiến	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 69%, gió ĐĐN 11 km/h. Cổng mở, dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Cổng 2 cửa, 3 cửa mở, cổng 5 cửa đóng.	Nước màu xanh cừ long.	8.03	11.1	7.16	0.1	0.031	0.266	150	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Đào Mỹ (đầu công điều tiết Hòa Mỹ)	Trời hừng nắng, t° = 25°C, độ ẩm 77%, gió NĐN 14 km/h. Cổng mở, dòng chảy chậm.	Nước màu xanh trong.	8.41	14.5	6.27	0.1	0.008	0.241	149	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
6	6	Cầu K5	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 13 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh.	7.85	19	6.48	0.1	0.008	0.401	169	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Kênh T19 (cuối kênh Tây)	Trời hừng nắng, t° = 25°C, độ ẩm 77%, gió NĐN 16 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Dưới kênh nhiều rác thải và phân động vật.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	8.18	188	0.5	1.2	256.410	6.075	1470	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Kênh Tô Rông (đầu kênh Giữa)	Trời nắng nhẹ, t° = 21°C, độ ẩm 94%, gió ĐĐN 10 km/h. Cổng mở, dòng chảy nhanh. Thượng lưu cổng dồn ứ nhiều rác thải.	Nước màu xanh trong.	8.05	10	6.87	0.1	0.155	0.457	152	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
9	9	Kênh Kè Hoàn	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 78%, gió NĐN 16 km/h. Đập mở, dòng chảy nhanh.	Nước màu xanh trong.	8.27	9.4	8.45	0.1	0.054	0.520	149	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Kênh Hà Vang	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 79%, gió NĐN 16 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở.	Nước màu xanh trong.	8.51	6.8	8.15	0.1	0.039	0.587	150	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Kênh Thái Đào	Trời mát, t° = 22°C, độ ẩm 75%, gió ĐN 18 km/h. Cống mở, dòng chảy nhanh.	Nước màu xanh trong.	8.59	9.1	7.2	0.1	0.008	0.500	151	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
12	12	Kênh G52 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 74%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy vừa.	Nước màu xanh trong.	8.29	12.4	7.5	0.1	0.008	0.506	165	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
13	13	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 81%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh cừ long.	8.44	7.8	6.4	0.1	0.008	0.392	156	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Kênh Hà Phú	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 78%, gió ĐN 13 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh lục.	7.83	19.4	6.5	0.1	0.008	0.403	177	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
15	15	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 74%, gió ĐN 16 km/h. Cống mở, dòng chảy nhanh.	Nước màu xanh trong.	8.11	14.1	6.95	0.1	0.016	0.522	192	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	16	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn)	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 93%, gió ĐĐN 10 km/h. Trạm bơm không hoạt động, không có dòng chảy. Một số diện tích cây đã xong, người dân bơm nước thủ công lên tưới.	Nước màu xanh.	7.85	13.4	6.37	0.1	0.078	0.243	169	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	17	Kênh V8	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 81%, gió ĐN 16 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	8.39	7.5	6.2	0.1	0.008	0.383	150	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
18	18	Kênh V12 (cuối kênh)	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 78%, gió ĐN 16 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh đen.	7.33	9.1	1.2	0.1	0.016	0.362	204	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

